

Bản án số: 27/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 16- 4- 2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN TỊNH, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thượng Trọng Ký

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Nguyễn Thanh Hải;

2- Bà Đào Thị Thu Đoàn;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nga- là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.

Ngày 16 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 12/2023/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2023 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2024; giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Kim T, sinh năm 1992. (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Xóm F, thôn M, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

2- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1988. (có đơn xin vắng mặt)

Đăng ký thường trú: Xóm C, thôn M, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Hiện đang thi hành án tại Đội 13, P, Trại giam K, huyện H, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30- 10- 2023, trong quá trình giải quyết vụ án chị Lê Thị Kim T bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T1 tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau, có tổ chức đám cưới vào năm 2012 và đăng ký kết hôn vào ngày 17/12/2014 tại UBND xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp, không cùng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, hiện anh T1 đang đi tù vì hiếp dâm người dưới 16 tuổi.

Nay, C thấy tình cảm giữa Chị với anh Nguyễn Văn T1 không còn, Chị yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh giải quyết cho Chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T1.

- Về con chung: Có 01 con chung tên là Nguyễn Xuân T2, sinh ngày 14 tháng 10 năm 2015. Hiện nay con đang ở với chị T. Khi ly hôn Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai, không ai nợ vợ chồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Văn T1 trình bày:

Tại bản tự khai ngày 16/11/2023 anh Nguyễn Văn T1 có ý kiến không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Kim T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa các bên là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”. Căn cứ theo quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.

[2] Về hôn nhân: Chị T và anh T1 tự tìm hiểu rồi kết hôn và có vào ngày 17/12/2014 tại UBND xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị T có yêu cầu ly hôn, Tòa án thụ lý giải quyết theo thủ tục chung là đúng quy định. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt vì trở ngại khách quan (đang thi hành án). Căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị T, Hội đồng xét xử xét thấy: A, Chị sống không hợp nhau, có nhiều mâu thuẫn, không cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình được và hiện nay chị T với anh T1 không còn chung sống với nhau. Xét thấy, mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh T1 có trình bày không đồng ý ly hôn nhưng chị T cương quyết ly hôn anh T1. Hội đồng xét xử xét thấy chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là phù hợp theo quy định tại các Điều 51 và 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Xuân T2, sinh ngày 14 tháng 10 năm 2015. Hiện nay con đang ở với chị T nên cần giao cho chị T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con, anh T1 không cấp dưỡng cho con là phù hợp với các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về tài sản chung: Chị T, anh T1 trình bày vợ chồng không yêu cầu nên không xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị T, anh T1 khai không có, nên không xem xét.

[7] Về án phí: Chị T nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30-12-2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 147, 227, 238 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Kim T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Kim T được ly hôn với anh Nguyễn Văn T1.

2. Về con chung: Giao cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Xuân T2, sinh ngày 14 tháng 10 năm 2015, anh T1 không cấp dưỡng cho con.

Sau khi ly hôn, bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp có yêu cầu của một bên, cả hai bên hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con, thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, nên không xem xét.

5. Về án phí: Chị Lê Thị Kim T nộp để sung công quỹ Nhà nước 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000529 ngày 08-11-2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, chị T đã nộp đủ tiền án phí.

6. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi;
- UBND xã Tịnh Bắc, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi;
- Đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thượng Trọng Ký

- Lưu: Án văn; hồ sơ vụ án.